

Bản án số: 60/2023/DS-ST

Ngày: 29-6-2023

“V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Mai Thị Nhắc.

2. Ông Phạm Văn Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lanh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 70/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 161/2023/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 192/2023/QĐST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn T, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: Ấp TQ, xã MĐ, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Ngọc B, sinh năm: 1970.

Bà Lê Ngọc P, sinh năm: 1972.

Cùng địa chỉ: Ấp MB, xã HM, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, ông Phạm Văn T, ông Phạm Ngọc B và bà Lê Ngọc P có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phạm Văn T trình bày:

Vào ngày 15/9/2016, ông thỏa thuận bán thức ăn chăn nuôi vịt và heo với ông Phạm Ngọc B và bà Lê Ngọc P, hai bên thỏa thuận miệng. Theo thỏa thuận, ông cung cấp thức ăn chăn nuôi cho ông B và bà P đến khi vịt, heo xuất chuồng thì ông B và bà P sẽ thanh toán tiền thức ăn. Ông chở thức ăn đến nhà giao cho ông B và bà P, ông có lập sổ theo dõi việc giao nhận thức ăn, mỗi bên giữ một quyển sổ. Hai bên thỏa thuận

giá tiền thức ăn tại thời điểm giao thức ăn và được thể hiện cụ thể trong sổ theo dõi. Việc ông B và bà P chăn nuôi là nhằm mục đích phục vụ phát triển kinh tế gia đình.

T quá trình mua bán, thời gian đầu ông B và bà P có thanh toán tiền thức ăn cho ông. Tuy nhiên, sau đó ông B và bà P thanh toán tiền nhưng không đúng theo thỏa thuận, mỗi đợt vịt, heo xuất chuồng thì ông B và bà P không thanh toán tất nợ nên số tiền còn nợ ngày càng nhiều. Việc mua bán kéo dài đến ngày 03/5/2018, ông B và bà P vẫn không thanh toán tiền nợ cho ông theo thỏa thuận nên ông ngừng việc cung cấp thức ăn cho ông B và bà P. Vào ngày 03/5/2018, hai bên chốt nợ thì số tiền thức ăn ông B và bà P còn nợ ông là 192.000.000 đồng.

Sau đó, ông B và bà P có thanh toán cho ông số tiền 30.000.000 đồng, cụ thể:

- Ngày 15/9/2020, ông B và bà P thanh toán số tiền 10.000.000 đồng.
- Ngày 02/5/2021, ông B và bà P thanh toán số tiền 10.000.000 đồng.
- Ngày 10/3/2023, ông B và bà P thanh toán số tiền 10.000.000 đồng.

Từ sau ngày 10/3/2023 cho đến nay, ông nhiều lần yêu cầu ông B và bà P thanh toán số tiền còn nợ lại cho ông nhưng ông bà cứ hứa hẹn mà không thực hiện.

Nay ông yêu cầu ông Phạm Ngọc B và bà Lê Ngọc P có nghĩa vụ liên đới trả một lần số tiền nợ thức ăn gốc là 162.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi hai triệu đồng) và tiền lãi cụ thể như sau:

+ Giai đoạn 1: Tính lãi từ ngày 03/5/2018 đến ngày 15/9/2020 với mức lãi suất 0.83%/tháng đối với số tiền nợ gốc là 192.000.000 đồng.

+ Giai đoạn 2: Tính lãi từ ngày 16/9/2020 đến ngày 02/5/2021 với mức lãi suất 0.83%/tháng đối với số tiền nợ gốc là 182.000.000 đồng.

+ Giai đoạn 3: Tính lãi từ ngày 03/5/2021 đến ngày 10/3/2023 với mức lãi suất 0.83%/tháng đối với số tiền nợ gốc là 172.000.000 đồng.

+ Giai đoạn 4: Tính lãi từ ngày 11/3/2023 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 0.83%/tháng đối với số tiền nợ gốc là 162.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Phạm Ngọc B trình bày:

Ông và bà Lê Ngọc P có thỏa thuận mua thức ăn chăn nuôi vịt, heo của ông Phạm Văn T, ông thống nhất với trình bày của ông T về hình thức hợp đồng, phương thức giao nhận thức ăn và số tiền nợ.

Quá trình chăn nuôi vịt, heo bị dịch bệnh chết nên ông và bà P không có đủ tiền để trả nợ cho ông T theo thỏa thuận. Ngày 03/5/2018, hai bên chốt nợ thì số tiền thức ăn chăn nuôi ông và bà P còn nợ ông T là 192.000.000 đồng. Sau đó, ông và bà P có trả cho ông T 03 lần với tổng số tiền 30.000.000 đồng, còn nợ lại 162.000.000 đồng. Từ sau ngày 10/3/2023 đến nay, ông và bà P không thanh toán khoản tiền nào khác cho ông T.

Ông và bà P là vợ chồng hợp pháp, mục đích việc chăn nuôi là để phục vụ kinh tế trong gia đình nên ông đồng ý cùng bà P có nghĩa vụ trả nợ cho ông T.

Ông đồng ý cùng bà P có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền nợ gốc là 162.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi hai triệu đồng) nhưng xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi tắt nợ. Khi thỏa thuận mua bán, hai bên không thỏa thuận về tiền lãi chậm trả và hiện tại điều kiện hoàn cảnh kinh tế gia đình gặp khó khăn nên ông không đồng ý với yêu cầu tính tiền lãi của ông T.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 19/5/2023 và tại phiên tòa, bị đơn bà Lê Ngọc P trình bày:

Bà và ông Phạm Ngọc B có thỏa thuận mua thức ăn chăn nuôi của ông Phạm Văn T, bà thống nhất với trình bày của ông T về hình thức hợp đồng, phương thức giao nhận thức ăn và số tiền nợ.

Ngày 03/5/2018, hai bên chốt nợ thì số tiền thức ăn chăn nuôi bà và ông B còn nợ ông T là 192.000.000 đồng. Sau đó, bà và ông B có trả cho ông T 03 lần với tổng số tiền 30.000.000 đồng, còn nợ lại 162.000.000 đồng. Từ sau ngày 10/3/2023 đến nay, bà và ông B không thanh toán khoản tiền nào khác cho ông T.

Bà và ông B là vợ chồng hợp pháp, mục đích việc chăn nuôi là để phục vụ kinh tế trong gia đình nên bà đồng ý cùng ông B có nghĩa vụ trả nợ cho ông T.

Bà đồng ý cùng ông B có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền nợ gốc là 162.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi hai triệu đồng) nhưng xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi tắt nợ. Khi thỏa thuận mua bán, hai bên không thỏa thuận về tiền lãi chậm trả và hiện tại điều kiện hoàn cảnh kinh tế gia đình gặp khó khăn nên bà không đồng ý với yêu cầu tính tiền lãi của ông T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. T giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Kiểm sát viên trình bày ý kiến phát biểu về nội dung và đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ vào các điều 357, 430, 440 và 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T, cụ thể:

Buộc ông Phạm Ngọc B và bà Lê Ngọc P có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phạm Văn T số tiền nợ thức ăn gốc 162.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi hai triệu đồng) và tiền lãi (đối với số tiền nợ gốc 192.000.000 đồng) tính từ ngày 03/5/2018 đến ngày 15/9/2020 thả với mức lãi suất 0.83%/tháng; tiền lãi (đối với số tiền nợ gốc 182.000.000 đồng) tính từ ngày 16/9/2020 đến ngày 02/5/2021 với mức lãi suất

0.83%/tháng; tiền lãi (đối với số tiền nợ gốc 172.000.000 đồng) tính từ ngày 03/5/2021 đến ngày 10/3/2023 với mức lãi suất 0.83%/tháng; tiền lãi (đối với số tiền nợ gốc 162.000.000 đồng) tính từ ngày 11/3/2023 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 0.83%/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quyền khởi kiện: Ông Phạm Văn T cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm bởi hợp đồng mua bán tài sản giữa ông với ông Phạm Ngọc B, bà Lê Ngọc P nên khởi kiện. Căn cứ khoản 2 Điều 68, Điều 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì ông T có quyền khởi kiện.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Phạm Văn T khởi kiện yêu cầu ông Phạm Ngọc B và bà Lê Ngọc P có nghĩa vụ trả tiền nợ thức ăn chăn nuôi theo thỏa thuận mua bán tài sản giữa các bên. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

[1.3] Về thẩm quyền của Tòa án giải quyết vụ án: Bị đơn ông Phạm Ngọc B và bà Lê Ngọc P có địa chỉ nơi cư trú tại ấp MB, xã HM, huyện M, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Nguyên đơn, bị đơn đều thống nhất giữa hai bên có giao dịch mua bán thức ăn chăn nuôi vịt, heo với nhau, hợp đồng bằng lời nói, hai bên thỏa thuận mua bán theo hình thức nguyên đơn cung cấp thức ăn chăn nuôi cho bị đơn đến khi bị đơn bán vịt, heo thì trả tiền thức ăn cho nguyên đơn. Do trong quá trình chăn nuôi gặp khó khăn, bị thu lỗ nên bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán như thỏa thuận đối với nguyên đơn. Tại phiên tòa, hai bên thống nhất số tiền hiện tại bị đơn còn nợ nguyên đơn là 162.000.000 đồng. Đây là tình tiết, sự kiện được các đương sự thống nhất thừa nhận, không phải chứng minh quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông T là có cơ sở chấp nhận. Việc ông B và bà P xin được trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ nhưng không được ông T chấp nhận. Do đó, buộc ông B và bà P có nghĩa vụ liên đới trả cho ông T số tiền 162.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi hai triệu đồng).

[2.2] Đối với yêu cầu tính tiền lãi: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 0.83%/tháng đối với số tiền nợ gốc 192.000.000 đồng từ ngày 03/5/2018 đến ngày 15/9/2020; yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ gốc 182.000.000 đồng từ ngày 16/9/2020 đến ngày 02/5/2021; yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ gốc 172.000.000 đồng tính từ ngày 03/5/2021 đến ngày 10/3/2023 và yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ gốc 162.000.000 đồng tính từ ngày 11/3/2023 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 0.83%/tháng. Bị đơn không đồng ý với yêu cầu tính tiền lãi của nguyên đơn. Xét thấy, ngày 03/5/2018 hai bên chốt nợ thì số tiền nợ gốc bị đơn còn nợ nguyên đơn là 192.000.000 đồng, đến ngày 15/9/2020 bị đơn có trả cho nguyên đơn số tiền 10.000.000 đồng, đến ngày 02/5/2021 bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 10.000.000 đồng, đến ngày 10/3/2023 bị đơn tiếp tục trả cho nguyên đơn số tiền 10.000.000 đồng và từ sau ngày 10/3/2023 cho đến nay thì bị đơn không thanh toán thêm khoản tiền nào khác cho nguyên đơn. Như vậy, từ thời điểm các bên chốt nợ đến nay thì bị đơn vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả tất tiền nợ đối với nguyên đơn nên có cơ sở xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn. Từ đó, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi do vi phạm nghĩa vụ trả tiền kể từ thời điểm các bên chốt nợ ngày 03/5/2018 đến ngày 15/9/2020 đối với số tiền nợ gốc là 192.000.000 đồng, từ ngày 16/9/2020 đến ngày 02/5/2021 đối với số tiền nợ gốc là 182.000.000 đồng, từ ngày 03/5/2021 đến ngày 10/3/2023 đối với số tiền nợ gốc là 172.000.000 đồng và từ ngày 11/3/2023 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (ngày 29/6/2023) đối với số tiền nợ gốc là 162.000.000 đồng là phù hợp theo quy định của pháp luật. Việc thỏa thuận giao dịch mua bán giữa nguyên đơn với bị đơn không có thỏa thuận về trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ nên theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì bị đơn phải chịu tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền với mức lãi suất là 10%/năm tương đương 0,83%/tháng. Do đó, mức lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Cụ thể, chấp nhận yêu cầu tính tiền lãi như sau: $(192.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 28 \text{ tháng } 12 \text{ ngày}) + (182.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 07 \text{ tháng } 16 \text{ ngày}) + (172.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 22 \text{ tháng } 07 \text{ ngày}) + (162.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 03 \text{ tháng } 18 \text{ ngày}) = 45.258.240 \text{ đồng} + 11.379.853 \text{ đồng} + 31.740.307 \text{ đồng} + 4.840.560 \text{ đồng} = 93.218.960 \text{ đồng}.$

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 235; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 357, 430, 440 và 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các điều 26, 27 của Nghị Quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn T, cụ thể:

Buộc ông Phạm Ngọc B và bà Lê Ngọc P có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phạm Văn T số tiền: 255.218.960 đồng (Hai trăm năm mươi lăm triệu hai trăm mười tám nghìn chín trăm sáu mươi đồng), trong đó: Tiền nợ thức ăn chăn nuôi gốc là 162.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi hai triệu đồng) và tiền lãi 93.218.960 đồng (Chín mươi ba triệu hai trăm mười tám nghìn chín trăm sáu mươi đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Ngọc B và bà Lê Ngọc P phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.760.948 đồng (Mười hai triệu bảy trăm sáu mươi nghìn chín trăm bốn mươi tám đồng).

Trả lại cho ông Phạm Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.525.500 đồng (Sáu triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004668 ngày 04 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành

án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Hồng Dân